

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ**KỶ THI NGÀY 26/10/2025**

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
1	430362	Đàm Quang Sơn	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
2	440902	Phạm Trần Huy Cảnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
3	440947	Phạm Thị Thu Hằng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
4	441109	Đào Như Quỳnh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
5	443030	Hoàng Thị Lam Giang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
6	443043	Lê Trần Vượng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
7	453774	Trần Danh Tuấn	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
8	460412	Nguyễn Trung Hiếu	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
9	460430	Vũ Hồng Ngọc	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
10	460444	Nguyễn Thị Thu Trang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
11	460449	Chu Thanh Tùng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
12	460455	Nguyễn Tài Giang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
13	460458	Nguyễn Thị Hào	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
14	460834	Nguyễn Bạch Kim Ngân	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
15	460844	Bùi Thị Phương Thảo	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
16	460853	Mạc Thị Ngọc Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
17	461029	Nông Thị Vân Ly	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
18	461110	Phan Văn Định	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
19	461353	Mai Hồng Chuyên	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
20	461410	Nguyễn Việt Dũng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
21	461522	Vũ Quang Khải	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
22	461801	Lê Thị Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
23	461938	Nguyễn Tuyết Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
24	462330	Nguyễn Thị Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
25	462732	Hoàng Gia Phong	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
26	463241	Lê Thanh Thái	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
27	463411	Lê Thùy Linh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
28	470161	Trần Thị Lâm	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
29	470162	Trần Đình	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
30	470217	Cáp Trung	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
31	470243	Nguyễn Ngọc An	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
32	470258	Nguyễn Đức	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
33	470301	Phan Như Ngọc	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
34	470302	Dương Ngọc Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
35	470304	Trịnh Ngọc Mai	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
36	470305	Nguyễn Vy Thùy	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
37	470306	Lường Thảo Ly	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
38	470317	Nguyễn Cát Phương	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
39	470347	Nguyễn Bảo Lâm	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
40	470401	Hứa Tiên Mạnh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
41	470403	Bùi Vũ Thu Hoài	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
42	470405	Lê Thị Huyền Diệp	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
43	470407	Đào Huệ Chi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
44	470409	Phạm Thị ánh Tuyết	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
45	470452	Nguyễn Thị Thu	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
46	470515	Trần Đức Nguyên	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
47	470559	Phạm Mỹ Duyên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
48	470642	Phan Xuân Hoàng	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
49	470649	Lưu Trần Yến Nhi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
50	470701	Vũ Thị Hoài	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
51	470802	Phạm Thùy Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
52	470804	Quảng Bảo Hân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
53	470806	Vũ Minh Yên	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
54	470810	Nguyễn Đào Khánh Chi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
55	470847	Hà Trung Thành	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
56	470855	Dương Thị Thơ	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
57	470858	Đào Thị Thu Thảo	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
58	470909	Hoàng Gia Khanh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
59	470914	Nguyễn Hà Chi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
60	470920	Đặng Thị Hà An	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
61	470960	Kiều Phương Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
62	470965	Ngô Đức Tuấn	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
63	470967	Đặng Lê Khanh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
64	470968	Hoàng Đức Phúc	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
65	471003	Đỗ Khánh Linh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
66	471005	Ngô Thu Trang	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
67	471009	Trần Phương Thảo	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
68	471039	Nguyễn Đức Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
69	471062	Nguyễn Văn Hoàn	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
70	471108	Bùi Hà Chi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
71	471121	Nguyễn Ngọc Huyền	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
72	471157	Nguyễn Xuân Tiến	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
73	471161	Nông Lưu Bảo Trân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
74	471166	Trần Văn Đức Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
75	471210	Hoàng Mai Trang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
76	471222	Nguyễn Tiểu Ngọc	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
77	471233	Chu Ngọc Linh	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
78	471241	Nguyễn Vũ Minh Châu	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
79	471252	Nguyễn Kim Phương Trang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
80	471258	Nguyễn Minh Thư	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
81	471259	Nguyễn Phương Thùy	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
82	471304	Nguyễn Minh Khuê	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
83	471337	Phạm Tú Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
84	471368	Trần Vũ Phương Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
85	471404	Nguyễn Thanh An	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
86	471412	Nguyễn Tố Quyên	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
87	471414	Đoàn Lê Khánh An	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
88	471422	Phạm Thị Quỳnh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
89	471424	Phan Đăng Trường	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
90	471454	Nguyễn Tùng Dương	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
91	471508	Nguyễn Thị Thanh Hà	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
92	471514	Mai Hà Chi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
93	471515	Nguyễn Thị Mai Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
94	471557	Đỗ Việt Phú	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
95	471603	Lê Hồng Ngọc	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
96	471607	Phạm Kiều Oanh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
97	471609	Chu Minh Ngọc	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
98	471614	Hoàng Thu Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
99	471662	Nguyễn Quang Huy	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
100	471667	Nguyễn Lưu Diệu Linh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
101	471701	Nguyễn Quỳnh Thơ	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
102	471707	Nguyễn Khánh Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
103	471715	Nguyễn Quỳnh Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
104	471730	Phan Thị Ngọc	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
105	471740	Trần Thanh Trúc	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
106	471801	Nguyễn Trung Kiên	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
107	471803	Đặng Thùy Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
108	471806	Trần Thị Thúy	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
109	471811	Nguyễn Minh Trí	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
110	471816	Giáp Thùy Dương	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
111	471818	Tông Thị Bạch Diệp	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
112	471838	Nguyễn Vũ Dũng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
113	471847	Hoàng Thị Minh Ngọc	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
114	471901	Phạm Phương Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
115	471913	Nguyễn Trần Hà Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
116	471945	Nguyễn Quốc Cường	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
117	471950	Bùi Hữu Nhật Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
118	471956	Vì Thế Bách	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
119	472004	Hoàng Khánh Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
120	472008	Đoàn Hà Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
121	472030	Nguyễn Thị Thủy My	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
122	472039	Vũ Hồng	Nhung	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
123	472044	Ma Xuân	Hoàng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
124	472055	Nguyễn Vũ	Tuấn	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
125	472104	Hồ Khánh	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
126	472111	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
127	472138	Nguyễn Thị Kim	Minh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
128	472144	Phạm Quang	Duy	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
129	472151	Đỗ Anh	Vũ	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
130	472153	Đình Diệu	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
131	472201	Lương Nguyệt	Minh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
132	472202	Quách Thị Lê	Na	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
133	472207	Trần Nguyễn Ngọc	Diễm	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
134	472211	Nguyễn Mai Ngân	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
135	472226	Phạm Gia Minh	Ngọc	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
136	472231	Đình Sơn	Tùng	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
137	472232	Nguyễn Diệu	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
138	472233	Phạm Thùy	Dung	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
139	472235	Linh Thị Hải	Yến	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
140	472236	Nguyễn Thu	Hương	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
141	472239	Nguyễn Như	Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
142	472240	Trương Thị Ngọc	Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
143	472257	Hà Thị Tú	Mai	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
144	472335	Nguyễn Nhật	Mai	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
145	472349	Vũ Thanh	Huyền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
146	472413	Lê Huyền	Mai	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
147	472425	Phùng Thị Khánh	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
148	472448	Trương Phương	Trang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
149	472461	Nguyễn Hiền	Minh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
150	472462	Trần Bích	Hường	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
151	472514	Nguyễn Việt	Mạnh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
152	472539	Nguyễn Thị Thùy	Mai	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
153	472546	Nguyễn Đỗ Uyên	Nhi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
154	472549	Lê Khánh Minh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
155	472564	Lê Tuấn Huy	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
156	472634	Đỗ Bích Ngọc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
157	472635	Nguyễn Hồng Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
158	472636	Trần Diệu Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
159	472638	Nguyễn Mai Phương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
160	472640	Nguyễn Thị Kim Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
161	472641	Lường Thị Lê Hòa	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
162	472741	Ngô Tiến Đạt	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
163	472748	Nguyễn Thị Thu Hà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
164	472810	Bùi Phương Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
165	472813	Hoàng Trần Khánh Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
166	472829	Nguyễn Khánh Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
167	472859	Nguyễn Phương Oanh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
168	472864	Nguyễn Thị Thắm	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
169	472905	Nguyễn Thị Thuỷ Dương	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
170	472912	Nguyễn Phương Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
171	472913	Phạm Đức Trung	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
172	472917	Nguyễn Hương Giang	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
173	472918	Bùi Hà Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
174	472920	Bùi Ngọc Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
175	472923	Hoàng Quế Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
176	472925	Nguyễn Lưu Thu Trang	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
177	472927	Vũ Thị Hồng Hà	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
178	472928	Phạm Nguyễn Phương Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
179	472935	Trần Thanh Vân	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
180	472936	Trần Khánh Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
181	472938	Đỗ Thị Minh Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
182	473002	Nguyễn Khánh Huyền	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
183	473003	Đào Ngọc Mai	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
184	473006	Giang Hoàng Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
185	473007	Phạm Thu Hà	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
186	473008	Nguyễn Minh Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
187	473011	Đình Phương Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
188	473012	Nguyễn Việt Hà	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
189	473013	Nguyễn Lê Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
190	473015	Nguyễn Hoàng Hạnh Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
191	473017	Phạm Thị Kim Cúc	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
192	473026	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
193	473027	Nguyễn Ngọc Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
194	473030	Trịnh Phương Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
195	473033	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
196	473036	Phạm Đức Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
197	473102	Nguyễn Giang Nam	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
198	473110	Vũ Thu Hà	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
199	473113	Lê Ngọc Hiền Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
200	473114	Nguyễn Minh Tâm	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
201	473126	Nguyễn Linh Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
202	473130	Nguyễn Thanh Thủy Tiên	Luật chất lượng cao	Anh văn		Không đạt			VPQC
203	473208	Vũ Ngọc Lam Vy	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
204	473209	Lê Kim Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
205	473210	Lê Nguyễn Hà Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
206	473217	Hoàng Hà Ngân	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
207	473219	Nguyễn Khánh Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
208	473238	Vũ Hương Giang	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
209	473303	Lã Vũ Trà My	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
210	473305	Nguyễn Thị An Bình	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
211	473307	Hà Phương Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
212	473308	Nguyễn Hồng Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
213	473311	Phan Đông Phong	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
214	473312	Phạm Hoàng Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
215	473314	Phan Ngọc Nhi	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
216	473324	Nguyễn Thùy Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
217	473331	Nguyễn Vũ Anh Thư	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
218	473332	Nguyễn Thạch Trang	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
219	473333	Lê Khánh	Vy	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
220	473336	Nguyễn Ngọc	Nhi	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
221	473401	Trần Khánh	Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
222	473406	Hoàng Bảo	My	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
223	473408	Phạm Thị Tuệ	Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
224	473409	Nguyễn Trà	My	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
225	473411	Vũ Khánh	Vân	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
226	473422	Nguyễn Thành	Đạt	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
227	473424	Vũ Thị Ngọc	Hà	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
228	473425	Dương Minh	Châu	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
229	473432	Trần Linh	Giang	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
230	473444	Trần Phương	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
231	473509	Nguyễn Việt	Bách	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
232	473512	Hoàng Nam	Khánh	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
233	473523	Nguyễn Hoàng	Dương	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
234	473532	Đình Phạm Minh	Nghĩa	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
235	473537	Cù Đức	Hiếu	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
236	473548	Lê Sỹ	Đức	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
237	473549	Phan Thị Hải	Linh	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
238	473552	Nguyễn Đăng	Mạnh	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
239	473555	Phạm Minh	Anh	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
240	473559	Vũ Tuấn	Thành	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
241	473560	Hồ Thị Diệu	Hằng	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
242	473565	Đỗ Thu	Hương	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	Đạt	4	B2	
243	473702	Doãn Trần Thảo	Anh	Luật	Anh văn	Đạt	3	B1	
244	473710	Đức Thị Quỳnh	Chi	Luật	Anh văn	Không đạt			
245	473711	Phạm Minh	Chung	Luật	Anh văn	Đạt	3	B1	
246	473739	Trần Nhật	Minh	Luật	Anh văn	Đạt	3	B1	
247	473748	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Luật	Anh văn	Không đạt			
248	473758	Quách Anh	Thư	Luật	Anh văn	Không đạt			
249	473771	Vũ Đức	Việt	Luật	Anh văn	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
250	473828	Phạm Vũ Thu	Huyền	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1
251	473839	Hoàng Thị Trà	My	Luật	Anh văn	0.0	Không đạt		
252	473841	Hoàng Minh	Nam	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1
253	473848	Nguyễn Yên	Nhi	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt		
254	473857	Kiều Bích	Thy	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1
255	241010084	Triệu Trọng	Bảo	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1
256	241010086	Lê Duy	Bình	Luật	Anh văn		Không đạt		
257	241010092	Đoàn Thị Thanh	Chuyên	Luật	Anh văn	0.0	Không đạt		VPQC
258	241010108	Phạm Hồng	Hạnh	Luật	Anh văn	0.0	Không đạt		
259	241010119	Trần Anh	Hoàng	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt		
260	241010128	Đình Quốc	Khánh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt		
261	241010130	Lê Nguyên	Khôi	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1
262	241010145	Lưu Hải	Lương	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt		
263	241010155	Trần Hải	Nam	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1
264	241010160	Đình Khôi	Nguyên	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1
265	241010165	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt		
266	241010167	Nguyễn Thị	Phương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1
267	241010170	Trần Thị Thu	Phương	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1
268	241010182	Đình Nguyễn Mai	Thơ	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1
269	241010187	Đình Ngọc	Tiến	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1
270	241010197	Nguyễn Quang	Tuân	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt		
271	241010199	Triệu Thanh	Tuấn	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1
272	241010218	Phùng Tuấn	Anh	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt		
273	241010308	Vương Thị	Thảo	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt		
274	241010344	Mai Thị Hải	Yên	Luật	Anh văn	0.0	Không đạt		
275	241010552	Nguyễn Như Chung	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1
276	241010557	Nguyễn Mạnh	Cường	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt		
277	241010560	Đình Thị	Duyên	Luật	Anh văn	0.0	Không đạt		
278	241010561	Nguyễn Hữu	Dũng	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1
279	241010563	Lại Ngọc Linh	Đa	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1
280	241010575	Đặng Bạch	Hường	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1
281	241010582	Nguyễn Thùy	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
282	241010586	Nguyễn Bằng	Ngân	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1
283	241010590	Đào Thị	Nhạn	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1
284	241010592	Nguyễn Thị	Nụ	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1
285	241010594	Bùi Xuân	Phước	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1
286	241010595	Nguyễn Thị	Phượng	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1
287	241010597	Nguyễn Đình	Sáng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1
288	241010598	Nguyễn Phương	Thảo	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1
289	241010601	Nguyễn Kim Văn	Tiến	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1
290	241010605	Đoàn Anh	Tuấn	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1
291	241010609	Đông Hồng	Vân	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1
292	241010610	Trần Đức	Vượng	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1
293	241013942	Lê Thị Bích	Ngọc	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1
294	241070372	Tổng Đức Trí	Hào	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1
295	241070471	Tạ Ngọc	Hiếu	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1
296	241070490	Quách Thu	Hường	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1
297	241070544	Vũ Nam	Tước	Luật Kinh tế	Anh văn		Không đạt		

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Triều Dương

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bá Bình